

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2020

V/v: “chia tài sản
sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM -TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hảo

Hội thẩm nhân dân : 1/ Ông Lộc Văn Bậu

2/ Ông Đinh Ngọc Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:
bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án ND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2019, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST-DS ngày 06/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Y, sinh năm 1977.

Trú tại: khu phố 5, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị Phương O, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1975.

Trú tại: xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Phương O trình bày:

Bà Y và ông T trước là vợ chồng đến năm 2018, ông T nộp đơn xin ly hôn và bà Y đồng ý, đã được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom công nhận thuận tình ly hôn tại Quyết định 150/2018/QSDST-HNGĐ ngày 05/4/2018, trong đó ghi nhận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình đó đến nay, hai bên vẫn không thống nhất được việc thỏa thuận phân chia tài sản chung nên bà Y nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và bà được sở hữu ½ giá trị chiếc xe tải biển số 60C-241.xx; giấy đăng ký xe số 010149 do

Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/12/2015, số máy J05ETE14918, số khung 9JJSFXX18578 đứng tên ông Nguyễn Xuân T.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Y nhiều lần đưa ra các hướng thỏa thuận nhưng đều không được ông T chấp nhận.

Vì hai bên không thỏa thuận được, ông T không hợp tác, không đến tòa làm việc, nên bà Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chia đôi tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa chia là một nửa giá trị chiếc xe tải biển số 60C-241.xx; giấy đăng ký xe số 010149 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/12/2015, số máy J05ETE14918, số khung 9JJSFXX18578 đứng tên ông Nguyễn Xuân T trị giá theo chứng thư thẩm định giá là 533.000.000đồng; ông T phải thanh toán cho bà 266.500.000đồng, không yêu cầu được sở hữu chiếc xe, vì xe do ông T quản lý, sử dụng lâu nay.

Bà Y thay đổi ý kiến về việc đồng ý thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng vào thời điểm nộp đơn khởi kiện là 31.243.000đ với ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa, ông bà sẽ tự thỏa thuận hoặc giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về việc ông T yêu cầu chia nợ, bà Y cũng không đồng ý, vì như ông T trình bày tài sản mua trong thời kỳ hôn nhân bằng tiền chung vợ chồng, cùng thế chấp và trả nợ, nhưng ông T sử dụng tiền thu lợi từ chiếc xe một mình từ khi mua xe cho đến nay, việc ông T trả nợ sau khi ly hôn bằng tiền thu lợi từ chiếc xe nên bà không đồng ý thanh toán lại cho ông T tiền ông T đã trả ngân hàng. Ông T cũng không có yêu cầu phản tố, nên bà Y đề nghị Tòa án không xem xét các yêu cầu của bị đơn vì không có đơn yêu cầu hay cung cấp chứng cứ gì kèm theo.

Bà Y không có ý kiến gì về việc ông T đã tắt toán, Ngân hàng đã giải chấp tài sản và trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông T.

Về chi phí tố tụng: bà Y yêu cầu chia đôi theo quy định, buộc ông T phải hoàn trả lại bà Y ½ chi phí đã thực trả.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu chia tài sản chung nào khác.

* Theo bản tự khai ngày 26/7/2019, ông Nguyễn Xuân T bị đơn trình bày: Về quá trình kết hôn, ly hôn và nguồn gốc chiếc xe tải là tài sản chung vợ chồng chưa chia đúng như bà Y trình bày.

Chiếc xe tải biển số 60C-241.xx; giấy đăng ký xe số 010149 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/12/2015, số máy J05ETE14918, số khung 9JJSFXX18578 đứng tên ông Nguyễn Xuân T mua năm 2015 với tổng giá trị là 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng), và có thể chấp để vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Nên từ 2015 đến tháng 03/2018 là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi ly hôn ngày 05/4/2018 đến nay chỉ có một mình ông T thanh toán nợ cho Ngân hàng với số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng). Nay bà Y yêu cầu chia tài sản ông đồng ý, và yêu cầu bà Y chia số nợ với Ngân hàng là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và đồng ý việc bà Y chia số tiền 31.234.000đ còn nợ vào thời điểm thụ lý vụ án này.

Bên cạnh đó ông muốn giao cho bà Y quản lý chiếc xe và bà Y phải thanh toán lại cho ông ½ giá trị.

Theo biên bản làm việc ngày 13/5/2020, ông T cho rằng chỉ đồng ý cách giải quyết là ông giao xe cho bà Y quản lý, bà Y thanh toán lại cho ông 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng) và bà Y phải chia đôi số nợ ngân hàng từ tháng 4/2018 đến tháng 11/2019 vì tháng 11/2019 ông T đã tắt toán xong.

Vị đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm kiểm sát việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy bà Yền, ông Thập đều thừa nhận chiếc xe ô tô biển số 60C-241.xx là tài sản chung chưa chia của bà Y. Sau khi ly hôn ông T là người trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe do vậy giao xe cho ông T tiếp tục quản lý sử dụng, ông T có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cho bà Y là phù hợp; trị giá theo chứng thư thẩm định giá là 533.000.000đồng; ông T phải thanh toán cho bà Y 266.500.000đồng; Phần nợ chung: ông T, bà Y đã trả hết nợ ngân hàng, các đương sự cũng không có yêu cầu tranh chấp trong vụ án do vậy không đề cập; Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Xuân T cư trú tại xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên đơn khởi kiện của bà Y thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: đại diện ủy quyền của bà Y là chị O có đơn xin xét xử vắng mặt. Về phía ông T mặc dù có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án không hợp tác, không đến làm việc nên xác định ông T vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã tắt toán xong với Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam vào tháng 11/2019 và đã được giải chấp chiếc xe tải biển số 60C-241.xx là tài sản thế chấp; Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam không đồng ý tham gia tố tụng, và đã có văn bản từ chối tham gia tố tụng cũng như không có yêu cầu gì thêm, bà Y, ông T không ai có ý kiến, yêu cầu về việc này, nên không cần thiết phải đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng.

Bà Y thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc đồng ý thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng vào thời điểm nộp đơn khởi kiện là 31.243.000đ với ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa; Ngân hàng và ông T cũng không có yêu cầu tranh chấp trong vụ án, nên ghi nhận và không đặt ra xem xét.

[3] Về pháp luật áp dụng: Bà Y và ông T kết hôn năm 2000 là thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 chưa có hiệu lực, nên căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4] Về nội dung:

Bà Y và ông T kết hôn năm 2000; đến năm 2018, ông T nộp đơn xin ly hôn

và bà Y đồng ý, đã được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom công nhận thuận tình ly hôn tại Quyết định 150/2018/QSĐST-HNGĐ ngày 05/4/2018, trong đó ghi nhận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình đó đến nay, hai bên vẫn không thống nhất được việc thỏa thuận phân chia tài sản chung nên bà Y nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và bà được sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe tải biển số 60C-241.xx; giấy đăng ký xe số 010149 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/12/2015, số máy J05ETE14918, số khung 9JJSFXX18578 đứng tên ông Nguyễn Xuân T.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T đồng ý chia tài sản chung chưa chia là chiếc xe nêu trên, các bên không thống nhất được cách thức chia và ông T không hợp tác, không đến Tòa án làm việc nên hai bên không thỏa thuận được. Tuy nhiên, bà Y và ông T thống nhất chiếc xe tải nêu trên là tài sản chung chưa chia nên Tòa án ghi nhận. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung chưa chia là có cơ sở nên chấp nhận.

Bà Y không đồng ý quản lý, sở hữu chiếc xe do từ thời điểm ly hôn đến nay, chiếc xe do ông T quản lý sử dụng, là có cơ sở. Như vậy giao xe cho ông T sở hữu quản lý là phù hợp; buộc ông T phải thanh toán lại cho bà Y $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe theo Chứng thư thẩm định giá số 2085 ngày 30/7/2020 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thẩm định là 533.000.000đồng (năm trăm ba mươi ba triệu đồng) là 266.500.000đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Về chi phí tố tụng: ông T phải thanh toán lại cho bà Y $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí tố tụng là $10.842.000đ \times \frac{1}{2} = 5.421.000đ$ (năm triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng) là phù hợp.

Ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu chia tài sản chung nào khác hay yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông T, bà Y mỗi bên phải nộp 13.325.000đồng (mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bà Y đã nộp 9.938.000 đồng, còn phải nộp thêm: 3.387.000 đồng.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 203; Điều 220; Điều 227, Điều 235; Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Y về việc yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

Giao ông Nguyễn Xuân T sở hữu chiếc xe tải biển số 60C-241.xx; giấy đăng ký xe số 010149 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/12/2015, số máy J05ETE14918, số khung 9JJSFXX18578 đứng tên ông Nguyễn Xuân T.

Buộc ông T phải thanh toán cho bà Y $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chiếc xe là 266.500.000đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Xuân T phải thanh toán lại cho bà Y $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí tố tụng là 5.421.000đ (năm triệu bốn trăm hai mươi một nghìn đồng)

Về án phí dân sự có giá ngạch: Ông T phải nộp 13.325.000đồng (mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Y phải nộp 13.325.000đồng (mười ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.938.000 đồng theo Biên lai số 0006837 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trảng Bom, còn phải nộp 3.387.000đồng (ba triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Y, ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (2);
- VKS (2);
- THA Dân sự (1);
- Lưu (4);
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH(1);
- Đường sự (2).

Nguyễn Thị Phương Hảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

/